

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2021/HS-ST
Ngày 29/11/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Khanh;

Thẩm phán: Ông Trương Quyết Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đinh Thị Kim Thu, ông Nguyễn Xuân Lập và ông Nguyễn Hữu Cương.

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thu Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 29/11/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 49/2021/TLST-HS ngày 18 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2021/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 11 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Bùi Văn K** (Tên gọi khác: Không). Giới tính: Nam. Sinh ngày 10/03/1971 tại huyện H, tỉnh Lào Cai. Nơi cư trú: Tổ dân phố S, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lào Cai. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Tự do. Trình độ văn hóa: 10/12. Tiền án, tiền sự: Không. Con ông: Bùi Văn S1 và bà Nguyễn Thị N (Đều đã chết). Có vợ là Hà Thị T, sinh năm 1975 (Đã ly hôn năm 2011) và 01 người con sinh 2005.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/3/2021, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lào Cai. (Có mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Lê Trường S2 – Luật sư Công ty Luật hợp danh V, Đoàn Luật sư tỉnh Lào Cai. (Có mặt)

- *Bị hại:*

+ Chị Nguyễn Thị D. Địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lào Cai. (Có mặt)

+ Chị Đỗ Thị Thu H1. Địa chỉ: Tổ dân phố H 3, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lào Cai. (Có mặt)

- *Những người làm chứng:*

- + Anh Bùi Văn B. Địa chỉ: Tổ dân phố Nậm Sắt 1, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lào Cai. (Vắng mặt)
- + Anh Bùi Văn T1. Địa chỉ: Tổ dân phố Nậm Sắt 2, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lào Cai. (Có mặt)
- + Anh Bùi Văn S1. Địa chỉ: Tổ dân phố Nậm Sắt 1, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lào Cai. (Có mặt)
- + Chị Bùi Thị T2. Địa chỉ: Tổ dân phố Nậm Sắt 2, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lào Cai. (Có mặt)
- + Chị Nguyễn Thị N. Địa chỉ: Tổ dân phố Nậm Sắt 3, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lào Cai. (Vắng mặt)
- + Anh Trần Hồng T3. Địa chỉ: Tổ dân phố Nậm Sắt 2, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lào Cai. (Có mặt)
- + Anh Nguyễn Việt S3. Địa chỉ: Tổ dân phố Na Cò, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lào Cai. (Vắng mặt)
- + Chị Nguyễn Thị T4. Địa chỉ: Tổ dân phố Nậm Sắt 2, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lào Cai. (Vắng mặt)
- + Chị Lâm Thị Đ. Địa chỉ: Thôn Na Pắc Ngan, xã Tà Chải, huyện H, tỉnh Lào Cai. (Có mặt)
- + Anh Đỗ Xuân C. Địa chỉ: Tổ dân phố H, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lào Cai. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 1970 bà Nguyễn Thị Ngọ được UBND huyện H cấp 01 thửa đất có diện tích 299,3m² thuộc tổ dân phố Nậm Sắt 2, thị trấn H, huyện H. Năm 2001, bà Ngọ đã chia thửa đất trên thành 02 thửa, thửa số 75 đứng tên Bùi Văn K (con trai bà Ngọ), thửa số 76 đứng tên bà Ngọ. Sau đó bà Ngọ cho Kiên mượn mặt bằng 02 thửa đất trên để kinh doanh than. Ngày 29/9/2015 do không có nhu cầu sử dụng đối với 02 thửa đất số 75 và 76 nên bà Ngọ đã bán cho vợ chồng anh chị Nguyễn Thị Nga và Hà Đức Thành với giá 700.000.000 đồng. Quá trình mua bán do bà Ngọ không biết chữ nên anh Bùi Văn B (con trai bà Ngọ) đứng ra viết giấy chuyển nhượng mua bán đối với 02 thửa đất trên cho vợ chồng anh, chị Nga, Thành. Sau khi làm thủ tục mua bán xong, chị Bùi Thị Thương (con gái bà Ngọ) hỏi chị Nga thuê lại 02 thửa đất trên cho Bùi Văn K làm xưởng kinh doanh than. Ngày 27/02/2021 bà Ngọ chết.

Quá trình điều tra xác định, trong thời gian từ tháng 10/2016 đến tháng 11/2017, bị cáo Bùi Văn K đã thực hiện hành vi “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” của các bị hại Nguyễn Thị D và Đỗ Thị Thu H1, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Năm 2001 và 2002, Kiên đã làm đơn xin giao đất và đơn xin cấp GCNQSDĐ, tự ký và ghi tên bà Ngọ vào đơn (Không được sự đồng ý của bà Ngọ) rồi mang đến UBND thị trấn H, huyện H xác nhận. Sau khi có xác nhận Kiên giấu các giấy tờ trên không cho ai biết. Đến tháng 10/2016, Kiên mang các giấy tờ trên đến gặp chị Nguyễn Thị D nói muốn bán thửa đất số 75 với giá 365.000.000 đồng và đưa đơn xin giao đất, đơn xin cấp GCNQSDĐ có chữ ký và tên của bà Ngọ có xác nhận của UBND thị trấn H cho chị D xem. Sau khi xem xong chị D tin tưởng thửa đất thuộc quyền sử dụng của Kiên nên đồng ý mua, hai bên đã viết giấy mua bán và chị D đã giao cho Kiên số tiền 365.000.000 đồng. Sau khi làm thủ tục mua bán xong, Kiên hỏi chị D thuê lại thửa đất trên để làm kinh doanh than.

Lần thứ hai: Vào tháng 10/2017, do không có tiền tiêu sai cá nhân. Kiên tiếp tục cầm đơn xin giao đất và đơn xin cấp GCNQSDĐ thửa đất số 76 bản đồ số 20 có chữ ký và tên bà Ngọ, đã được UBND thị trấn H xác nhận từ trước đến gặp chị Nguyễn Thị D và nói muốn bán thửa đất trên với giá 400.000.000 đồng. Sau khi xem xong chị D tin tưởng đồng ý mua, sau đó hai bên thống nhất viết giấy mua bán 02 thửa đất số 75 và 76 thành một giấy ghi tổng số tiền là 750.000.000 đồng. Sau khi làm thủ tục giấy tờ mua bán và nhận tiền xong, Kiên hỏi chị D cho thuê lại thửa đất trên.

Lần thứ ba: Ngày 16/11/2017, vẫn với thủ đoạn trên. Do quen biết chị Đỗ Thị Thu H1 từ trước và biết chị H1 đang có nhu cầu mua đất để làm nhà ở nên Kiên đã cầm đơn xin giao đất và đơn xin cấp GCNQSDĐ thửa đất số 75 tờ bản đồ số 20 có chữ ký và tên của bà Ngọ và có xác nhận của UBND thị trấn H đến gặp chị H1 nói muốn bán thửa đất trên với giá 380.000.000 đồng. Kiên đưa đơn xin cấp GCNQSDĐ và đơn xin giao đất cho chị H1 xem. Sau khi xem xong chị H1 tin tưởng và đồng ý mua thửa đất trên với giá 380.000.000 đồng. Do chưa đủ tiền nên chị H1 đã thống nhất trả trước cho Kiên 250.000.000 đồng, số tiền còn lại 130.000.000 đồng chị H1 hẹn một tháng sau sẽ thanh toán nốt. Sau đó hai bên viết giấy mua bán thửa đất trên và chị H1 giao cho Kiên số tiền 250.000.000 đồng.

Sau khi nhận được số tiền trên Kiên đã bỏ trốn đi khỏi địa phương, ngày 18/3/2018 chị D và chị H1 phát hiện là bị lừa nên đã làm đơn tố cáo hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Kiên. Quá trình điều tra xác minh ngày 30/7/2018 Công an huyện H đã ra Quyết định truy nã đối với Kiên, đến ngày 24/3/2021 thì Kiên bị bắt và khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản kết luận số 23 ngày 5/6/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lào Cai kết luận: Chữ ký, chữ viết họ tên mang tên Bùi Văn K trên các tài liệu Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, giấy nhận tiền với chữ ký, chữ viết họ tên mang Bùi Văn K trên các tài liệu biên bản họp tổ dân phố, đơn xin đăng ký biến động đất đai, hợp đồng cho tặng quyền sử dụng đất, Chữ viết tay mang tên Bùi Văn K ở mặt sau tờ lịch là do cùng một người viết ra. Chữ viết mang tên Bùi Văn K trên các Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với chữ viết mang tên Kiên trên mặt sau tờ lịch là do cùng một người viết ra.

Bản kết luận số 22 ngày 5/4/2021 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lào Cai kết luận: Dấu vết đường vân tay in trên danh bản, chỉ bản của Bùi Văn K và dấu vết đường vân in trên bản sao tờ khai, chỉ bản chứng minh thư nhân dân của Bùi Văn K là của cùng một người.

Bản cáo trạng số 54/CT-VKST-P2 ngày 14/10/2021 của VKSND tỉnh Lào Cai truy tố Bùi Văn K về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Bị cáo Bùi Văn K đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội D vụ án đã nêu trên và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai phát biểu quan điểm: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Bùi Văn K phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174, điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Bùi Văn K 12 đến 14 năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: buộc bị cáo phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị D số tiền 750.000.000 đồng. Bồi thường cho chị Đỗ Thị Thu H1 số tiền 250.000.000 đồng.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày quan điểm: Nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về tội danh và điều luật áp dụng. Về hình phạt, đại diện VKSND tỉnh Lào Cai đề nghị xử phạt bị cáo mức án từ 12 đến 14 năm tù là quá nghiêm khắc. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Bùi Văn K mức án 12 năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự, tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của hai bị hại, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị hại chị Nguyễn Thị D đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải trả lại cho chị D số tiền 750.000.000 đồng. Bị hại chị Đỗ Thị Thu H1 đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải trả lại cho chị H1 số tiền 250.000.000 đồng. Về trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội D vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, lời khai của các bị hại, người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, có đủ cơ sở khẳng định:

Năm 2001, bị cáo Bùi Văn K đã làm giả chữ ký và viết tên bà Nguyễn Thị Ngọ (mẹ của bị cáo) vào đơn xin giao đất, đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và xin xác nhận của UBND thị trấn H, huyện H. Đến tháng 10/2016, mặc dù biết rõ bà Ngọ (là mẹ của Kiên) đã bán 02 thửa đất số 75, 76 cho vợ chồng anh Thành chị Nga nhưng do làm ăn thua lỗ và không có tiền tiêu sài cá nhân, Kiên đã dùng các giấy tờ giả nêu trên tạo lòng tin với chị Nguyễn Thị D và chị Đỗ Thị Thu H1 để lừa bán 02 thửa đất số 75, 76 tờ bản đồ số 20 cho chị D và chị H1, nhằm chiếm đoạt tiền của các bị hại. Cụ thể, từ tháng 10/2016 đến tháng 11/2017, bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại Nguyễn Thị D 750.000.000 đồng, chiếm đoạt của bị hại Đỗ Thị Thu H1 250.000.000 đồng.

Hành vi nêu trên của bị cáo đã cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” với tình tiết định khung là “*Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên*”. Bản cáo trạng số 54/CT-VKST-P2 ngày 14/10/2021 của VKSND tỉnh Lào Cai truy tố bị cáo về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự 2015 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về hình phạt

Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an ở địa phương. Vì vậy, cần phải xử lý bị cáo nghiêm minh trước pháp luật nhằm răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng tội phạm ngừa chung.

Xét thấy, mặc dù bị cáo Bùi Văn K có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự nhưng bị cáo đã 03 lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các bị hại nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo có bố đẻ là ông Bùi Văn Sửu được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến Hạng Nhì. Tại phiên tòa, hai bị hại đã xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy, cần áp dụng quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

Đối với quan điểm của người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Bùi Văn K mức án 12 năm tù là nhẹ, chưa tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nên không được chấp nhận.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có tài sản riêng, điều kiện kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp.

[4] Về trách nhiệm dân sự

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị hại Nguyễn Thị D yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 750.000.000 đồng. Bị hại Đỗ Thị Thu H1 yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 250.000.000 đồng đã chiếm đoạt. Tại phiên tòa, bị cáo Bùi Văn K cũng nhất trí bồi thường toàn bộ số tiền cho hai bị hại là 01 tỷ. Xét thấy, yêu cầu của các bị hại là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần buộc bị cáo phải bồi thường cho các bị hại số tiền nêu trên.

[5] Về án phí: Do bị cáo bị kết án và phải bồi thường nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Bùi Văn K phạm tội *“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”*

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Bùi Văn K 13 (Mười ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam bị cáo ngày 25/3/2021.

Về trách nhiệm dân sự

Căn cứ quy định tại Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 584, 589 Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo Bùi Văn K phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị D số tiền 750.000.000 đồng (*Bảy trăm năm mươi triệu đồng*) và bồi thường cho chị Đỗ Thị Thu H1 số tiền 250.000.000 đồng (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Buộc bị cáo Bùi Văn K mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 42.000.000 đồng (*Bốn mươi hai triệu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, các bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND cấp cao;
- VKSND tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- CQCSĐT Công an tỉnh;
- CQTHAHS Công an tỉnh;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh;
- Trại tạm giam Lào Cai;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Bị hại;
- THA Tòa án 04;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Khanh